

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2023

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ H NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị H
Ông Dương Minh Khương

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ H Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố H Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Toàn- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố H Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Trần Viết H-** sinh năm 1977 (*có mặt*)

Nơi đăng ký thường trú: thôn L, xã Q, huyện Thường Tín, Thành phố H Nội.

- Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị P** - sinh năm 1982 (*có mặt*)

Nơi đăng ký thường trú: thôn L, xã Q, huyện Thường Tín, Thành phố H Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/3/2023 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là anh Trần Viết H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị P được tự do tìm hiểu về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Thường Tín, Thành phố H Nội ngày 04/01/2002. Vợ chồng sau khi kết hôn về chung sống tại thôn L, xã Q, huyện Thường Tín. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chung sống không hạnh phúc, thực tế mâu

thuần giữa anh và chị P từ khoảng 06 năm trước, tuy nhiên vì gia đình nên anh chưa làm thủ tục ly hôn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị P vì không còn tình cảm yêu thương và muốn chung sống cùng chị P và anh không có quan hệ ngoại tình ruồng bỏ vợ như chị P khai. Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc thì gia đình anh trong đó có mẹ đẻ của anh gây áp lực cho anh để rút đơn ly hôn, tuy nhiên anh nhận thấy hôn nhân của anh và chị P có tồn tại cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị P.

Về con chung: anh và chị P có ba con chung là Trần Phương L sinh ngày 24/3/2004, Trần Thành Đ sinh ngày 10/11/2005 và Trần Thanh H sinh ngày 09/10/2012. Đối với cháu L đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Cháu Đ từ nhỏ bị chậm phát triển tâm thần, Hng tháng được hưởng trợ cấp của nhà nước, cháu H còn nhỏ nên anh H xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Đ và cháu H, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh H đang làm việc tại Công ty cổ phần trừ mối- khử trùng (địa chỉ nơi làm việc: số nhà 33 ngõ 2, phố Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, H Nội), có thu nhập là 8.600.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng anh không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và anh H không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh Trần Viết H về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã Q, huyện Thường Tín, Thành phố H Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn L, xã Q, huyện Thường Tín, Thành phố H Nội. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên từ tháng 3 năm 2023 chị phát hiện anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ tên H ở tổ 15 phường Yên Nghĩa, Quận H, H Nội, từ đó anh H ít về nhà hơn và không quan hệ tình cảm với vợ. Trong nhiều năm chung sống bản thân chị không có lỗi gì, hi sinh vì chồng con, gia đình anh em nhà chồng đều yêu quý. Chị P không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nuôi dạy các con.

Về con chung: Chị và anh H có ba con chung là Trần P L sinh ngày 24/3/2004, Trần Thành Đ sinh ngày 10/11/2005 và Trần Thanh H sinh ngày 09/10/2012. Trường hợp ly hôn, chị có quan điểm về con như sau, đối với cháu L đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét, cháu Đ từ nhỏ bị thiếu năng trí tuệ, chậm phát triển

tâm thần, cháu H còn nhỏ. Chị sức khỏe yếu, nhiều bệnh tật, thu nhập hạn chế nên không đảm bảo điều kiện nuôi dạy các con nên chị đồng ý giao hai con chung là cháu Đ, cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và chị P không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa:

+Anh H: Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 02 năm sau khi kết hôn đã mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Anh đã ra ngoài thuê nhà sống được hai năm nay cuối tuần về với gia đình nguyên do vì công việc, sức khỏe yếu và tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Anh không còn tình cảm yêu thương chị P, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh ly hôn chị P. Về con chung, anh H giữ nguyên yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thành Đ và Trần Thanh H, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung anh H không yêu cầu xem xét, anh và chị P tự thỏa thuận. Về nợ chung anh chị không có nợ chung.

+Chị P: Thực tế vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì đến thời điểm ngày 05/3/2023, chị phát hiện anh H có quan hệ ngoại tình. Kể từ sau thời gian đó anh H không về nhà, vợ chồng sống ly thân. Chị biết anh H không còn tình cảm yêu thương chị nhưng chị không đồng ý ly hôn vì muốn giữ gia đình cho các con. Về con chung, chị đồng ý giao hai cháu Đ và cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, chị P không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chị và anh H tự thỏa thuận. Về nợ chung chị và anh H không có nợ chung.

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

-Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trần Viết H được ly hôn chị Nguyễn Thị P. Về con chung: Anh chị có ba con chung là Trần P L sinh ngày 24/3/2004, Trần Thành Đ sinh ngày 10/11/2005 và Trần Thanh H sinh ngày 09/10/2012. Đối với cháu L đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động nên không Tòa án không xem xét. Giao con chung là cháu Trần Thành Đ và Trần Thanh H cho anh Trần Viết H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, đối với cháu Đ giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi

bản thân. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Chị P có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Viết H và chị Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/01/2002 tại UBND xã Q, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Qua xác minh gia đình anh chị và lời khai các đương sự thể hiện vợ chồng anh H và chị P có mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc và đã sống ly thân từ khoảng 6 tháng nay. Quan điểm của chị P không đồng ý ly hôn với anh H, quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng anh H không đồng ý quay về đoàn tụ chung sống cùng chị P và đề nghị Tòa án chấm dứt không hòa giải, đưa vụ án ra xét xử cho anh ly hôn chị P. Tại phiên tòa, anh H giữ nguyên yêu cầu ly hôn, chị P không đồng ý ly hôn nhưng chị P không đưa ra P án nào để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện yêu thương, gắn bó giữa vợ chồng cùng yêu thương chia sẻ vui buồn, khó khăn trong cuộc sống đồng thời tình cảm phải xuất phát từ hai phía. Tình cảm yêu thương muốn níu kéo giữ lại hôn nhân không đổ vỡ chỉ về phía chị P. Do đó, thể hiện hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh H là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Trần Viết H được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

[4] Về con chung: Anh H và chị P có ba con chung là Trần P L sinh ngày 24/3/2004, Trần Thành Đ sinh ngày 10/11/2005 và Trần Thanh H sinh ngày 09/10/2012.

Đối với cháu L đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét. Ly hôn, anh H và chị P thống nhất quan điểm giao cháu Trần Thành Đ và Trần Thanh H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con và phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thành Đ và Trần Thanh H cho anh Trần Viết H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, đối với cháu Đ giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi có khả năng lao động, có tài sản tự nuôi bản thân. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[6] Đối với cháu Trần Thành Đ, theo hồ sơ giám định sức khỏe tâm thần ngày 29/10/2012 của Bệnh viện tâm thần trung ương I, cháu Đ bị rối loạn tâm thần, loại bệnh chậm phát triển tâm thần. Hiện nay cháu Đ đang được hưởng trợ cấp xã hội về khuyết tật Hng tháng của Nhà nước. Tòa án đã giải thích pháp luật cho các đương sự về yêu cầu tuyên bố cháu Đ mất năng lực Hnh vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức làm chủ Hnh vi, tuy nhiên các đương sự không có yêu cầu. Do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định chung.

[7] Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26- Luật thi Hnh án dân sự.

- Điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Viết H. Anh Trần Viết H được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Anh H và chị P có ba con chung là Trần P L sinh ngày 24/3/2004, Trần Thành Đ sinh ngày 10/11/2005 và Trần Thanh H sinh ngày 09/10/2012. Đối với cháu L đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động nên không xem xét. Giao con chung là cháu Trần Thành Đ cho anh Trần Viết H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, có tài sản tự nuôi bản thân hoặc có sự thay đổi khác. Giao con chung là cháu Trần Thanh H cho anh Trần Viết H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Trần Viết H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại biên lai số AA/2020/0023316 ngày 08/5/2023 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Viết H và chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về việc thi Hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND Thành phố H Nội;
- VKSND Thành phố H Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP H Nội;
- Chi cục THA huyện Thường Tín;
- UBND xã Q, huyện Thường Tín,
Thành phố H Nội;
- Lưu HS vụ án.

Trần Thị Thu Hiền